

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ SHB**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2020**



---

*Tháng 03 năm 2021*

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 25



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư SHB đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Hưng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tự Hào	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 26/05/2020
Ông Đặng Xuân Dương	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 26/05/2020
Ông Nguyễn Chí Thúc	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 26/05/2020
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Thành viên - Miễn nhiệm ngày 26/05/2020
Ông Nguyễn Thế Vinh	Thành viên - Miễn nhiệm ngày 26/05/2020

#### **Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Phan Minh Tuấn	Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 10/12/2020
Bà Nguyễn Thị Hà	Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 17/06/2020; Miễn nhiệm ngày 10/12/2020
Ông Nguyễn Văn Hưng	Tổng Giám đốc - Miễn nhiệm ngày 17/06/2020
Ông Nguyễn Tự Hào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Vinh	Giám đốc kỹ thuật
Bà Phạm Thanh Dung	Kế toán trưởng

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính này.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính (trong năm 2020) và Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính (từ 01/01/2021) hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Phan Minh Tuấn**  
**Tổng Giám đốc**

*Hòa Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2021*



Số: 242/2021/UHY - BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư SHB

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư SHB (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 29/03/2021, từ trang 06 đến trang 25 gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, các khoản công nợ phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2020 của Công ty chưa được đối chiếu, xác nhận số dư đầy đủ (tỷ lệ đối chiếu công nợ Phải thu khách hàng là 71,05%). Các thủ tục kiểm toán thay thế chưa mang lại cho chúng tôi đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết để đưa ra ý kiến nhận xét về số dư các công nợ phải thu khách hàng chưa được đối chiếu, xác nhận cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư SHB tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Minh Long  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy Chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số: 0666-2018-112-1  
Thay mặt và đại diện cho  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY  
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Hoàng Thị Nga  
Kiểm toán viên  
Giấy Chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số: 4079-2018-112-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31/12/2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>34.738.666.236</b>	<b>29.842.595.834</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	226.632.228	148.726.995
Tiền	111		226.632.228	148.726.995
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>33.776.393.560</b>	<b>9.033.189.231</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	34.569.562.889	12.068.007.118
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		721.485.700	51.142.600
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	692.184.542
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	5.303.700.130	3.040.210.130
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(6.818.355.159)	(6.818.355.159)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>164.798.197</b>	<b>18.463.379.878</b>
Hàng tồn kho	141		164.798.197	18.463.379.878
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>570.842.251</b>	<b>2.197.299.730</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	231.734.977	353.529.522
Thuế GTGT được khấu trừ	152		189.154.991	1.693.817.925
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	149.952.283	149.952.283
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>6.563.232.112</b>	<b>1.707.810.376</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.433.134.528</b>	<b>1.207.810.376</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	3.433.134.528	1.207.810.376
- Nguyên giá	222		15.082.588.562	12.334.078.965
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.649.454.034)	(11.126.268.589)
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	10	500.000.000	500.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.630.097.584</b>	<b>-</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		2.630.097.584	-
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>41.301.898.348</b>	<b>31.550.406.210</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 31/12/2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>14.034.167.782</b>	<b>37.003.895.165</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>13.653.215.402</b>	<b>28.003.895.165</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	12.399.265.180	24.736.569.655
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		504.396.199	36.818.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	239.526.884	142.511.624
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		107.681	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	438.040.886	3.087.545.886
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	71.428.572	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		450.000	450.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>380.952.380</b>	<b>9.000.000.000</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	380.952.380	9.000.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>27.267.730.566</b>	<b>(5.453.488.955)</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>27.267.730.566</b>	<b>(5.453.488.955)</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		48.849.000.000	19.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		48.849.000.000	19.800.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(1.366.318.570)	(1.366.318.570)
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	18.365.296.322
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(20.214.950.864)	(42.252.466.707)
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		(23.887.170.385)	(33.367.260.435)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.672.219.521	(8.885.206.272)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>41.301.898.348</b>	<b>31.550.406.210</b>

Hòa Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Người lập

Nguyễn Thị Bích Nguyệt

Kế toán trưởng

Phạm Thanh Dung

Tổng Giám đốc



Phan Minh Tuấn



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	51.504.473.233	12.731.761.298
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		51.504.473.233	12.731.761.298
Giá vốn hàng bán	11	18	44.111.342.955	12.554.413.653
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.393.130.278	177.347.645
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	776.598	1.150.552
Chi phí tài chính	22	20	29.424.561	727.580.479
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		29.424.561	727.580.479
Chi phí bán hàng	25	21	2.022.949.465	719.505.702
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	1.607.766.578	3.144.588.650
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.733.766.272	(4.413.176.634)
Thu nhập khác	31		-	11.843.309.091
Chi phí khác	32	22	61.546.751	16.315.338.729
Lợi nhuận khác	40		(61.546.751)	(4.472.029.638)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.672.219.521	(8.885.206.272)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.672.219.521	(8.885.206.272)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	1.070	(4.820)

Hòa Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Người lập

Nguyễn Thị Bích Nguyệt

Kế toán trưởng

Phạm Thanh Dung



Phan Minh Tuấn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chi tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	3.672.219.521	(8.885.206.272)
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	523.185.445	182.867.232
Các khoản dự phòng	03	-	(200.974.696)
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05	(776.598)	7.216.392.076
Chi phí lãi vay	06	29.424.561	727.580.479
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08	<b>4.224.052.929</b>	<b>(959.341.181)</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(23.238.541.395)	(5.718.774.125)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	18.298.581.681	(15.860.579.955)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(14.147.365.056)	10.368.838.086
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.508.303.039)	2.228.897.258
Tiền lãi vay đã trả	14	(29.316.880)	(913.280.527)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(17.400.891.760)</b>	<b>(10.854.240.444)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.023.360.557)	-
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	9.220.909.091
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	2.032.418.861
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	776.598	1.150.552
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(3.022.583.959)</b>	<b>11.254.478.504</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	29.049.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	500.000.000	9.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(9.047.619.048)	(9.363.027.609)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>20.501.380.952</b>	<b>(363.027.609)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	<b>77.905.233</b>	<b>37.210.451</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	<b>148.726.995</b>	<b>111.516.544</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70 5	<b>226.632.228</b>	<b>148.726.995</b>

Hòa Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Người lập

Nguyễn Thị Bích Nguyệt

Kế toán trưởng

Phạm Thanh Dung

Tổng Giám đốc



Phan Minh Tuấn



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư SHB (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà, công ty tiền thân được thành lập theo Quyết định 1461/QĐ-BXD ngày 01/11/2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở chuyển đổi bộ phận doanh nghiệp Nhà nước là Nhà máy Xi măng Sông Đà - Công ty Sông Đà 12 thuộc Tổng Công ty Sông Đà.

Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư SHB được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5400213153 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 29 tháng 11 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 10 tháng 12 năm 2020.

Tên tiếng Anh: SHB Trading Investment Joint Stock Company.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ 9, phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

**1.2 Hoạt động sản xuất kinh doanh chính**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Trồng rừng và chăm sóc cây rừng;
- Khai thác gỗ;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ;
- Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác;
- Sản xuất bê tông và sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất và chế biến bột đá;
- Sản xuất bê tông tươi;
- Phá dỡ;
- Hoạt động bốc xếp dỡ hàng hóa và dịch vụ liên quan đến bến cảng;
- Sản xuất gạch không nung;
- Sản xuất vữa đóng bao;
- Sản xuất cát nhân tạo;
- Các hoạt động kinh doanh khác...

**2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Niên độ kế toán của Công ty từ 01/01 đến 31/12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014. Thông tư số 153/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư được gọi là có tính thanh khoản cao khi thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**4.3 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Đối với các hợp đồng các công trình xây dựng dở dang tại ngày kết thúc niên độ kế toán, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo các chi phí trực tiếp thực tế phát sinh cho từng công trình cộng với các chi phí sản xuất chung phân bổ tương ứng với phần công việc dở dang chưa xác định doanh thu trong năm.

**4.4 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm là các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí xây lắp, thiết bị, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**4.5 CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG**

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp”

**4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

## 4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà xưởng vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Tài sản cố định hữu hình khác	03-10

## 4.7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận và phản ánh trên Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giá trị các khoản đầu tư bị giảm giá, Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho phần giá trị bị tổn thất. Trong trường hợp không có thông tin tham chiếu để xác định mức độ giảm giá của các khoản đầu tư, giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác sẽ vẫn được ghi nhận và phản ánh theo giá gốc trên Báo cáo tài chính.

## 4.8 GHI NHẬN DOANH THU CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Cụ thể như sau:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá, dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã có sự chuyển giao hàng hóa và chuyển quyền sở hữu cho người mua hoặc dịch vụ đã được thực hiện cho khách hàng và được người mua chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định đáng tin cậy căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành, phiếu giá đã thống nhất với khách hàng và được khách hàng xác nhận phản ánh trên hóa đơn tài chính đã lập và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu tài chính:

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng.

Ghi nhận chi phí:

Chi phí được ghi nhận theo nguyên tắc thận trọng, được tập hợp theo thực tế phát sinh, phù hợp với doanh thu và niên độ kế toán hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐÀU TỬ SHB  
Tổ 9, p. Tân Hòa, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

- Phải thu của khách hàng ngắn hạn**
- Công ty TNHH TM 01 thành viên Đại Hùng Cường
- Công ty CP VLXD CN sạch Sông Đà
- Công ty CPĐT TM Hưng Long tỉnh Điện Biên
- Bà Chu Anh Tuyết
- Công nợ của XN 12.6 chuyển sang
- Công ty Cổ phần Bé tông Thăng Long Hòa Bình
- Công ty CPTM Hưng Ngọc Phú Thọ
- Phải thu khách hàng khác

**Phải thu khách hàng là các bên liên quan**  
(Chi tiết xem tại Thuyết minh số 25)

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

- Ngắn hạn**
- Ông Nguyễn Văn Hưng (\*)
- Bà Nguyễn Thị Hà (\*)
- Các khoản phải thu khác

**Phải thu khác là các bên liên quan**  
(Chi tiết xem tại Thuyết minh số 25)

(\*) Là các khoản cho mượn tiền với thời hạn không xác định, lãi suất 0%/năm, không có tài sản đảm bảo.

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
	34.569.562.889	6.818.355.159	12.068.007.118	6.818.355.159
	309.316.750	309.316.750	309.316.750	309.316.750
	382.226.087	382.226.087	382.226.087	382.226.087
	19.848.569.743	473.980.653	1.774.908.668	473.980.653
	840.068.000	840.068.000	840.068.000	840.068.000
	1.168.536.074	1.168.536.074	1.168.536.074	1.168.536.074
	497.297.500	-	722.244.000	-
	1.017.929.771	-	619.526.572	-
	10.505.618.964	3.644.227.595	6.251.180.967	3.644.227.595
	19.848.569.743	473.980.653	1.774.908.668	473.980.653

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
	5.303.700.130	-	3.040.210.130	-
	2.736.090.000	-	2.736.700.000	-
	2.300.000.000	-	-	-
	267.610.130	-	303.510.130	-
	5.036.090.000	-	2.736.700.000	-



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐÀU TỬ SHB  
Tổ 9, p.Tân Hòa, TP.Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**8. HÀNG TỒN KHO**

Nguyên liệu, vật liệu  
Hàng hóa

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
	153.090.946	-	49.287.254	-
	11.707.251	-	18.414.092.624	-
	<b>164.798.197</b>	-	<b>18.463.379.878</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	231.734.977	353.529.522
Chi phí tư vấn dịch vụ Cảng	231.734.977	353.529.522
Dài hạn	2.630.097.584	-
Chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ	2.630.097.584	-
<b>Cộng</b>	<b>2.861.832.561</b>	<b>353.529.522</b>

**10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	500.000.000	-	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu Kinh tế Hải Hà (*)	500.000.000	-	500.000.000	-

(\*) Khoản đầu tư mua 3.125 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu Kinh tế Hải Hà với mệnh giá 160.000 đồng/cổ phần.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		TSCĐ HH khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>NGUYÊN GIÁ</b>									
01/01/2020	9.719.958.817	1.525.049.712	734.229.436				354.841.000	12.334.078.965	
- Đầu tư XD CB hoàn thành	1.377.536.869	-	-	-	-	-	-	1.377.536.869	
- Mua trong năm	-	-	1.370.972.728	-	-	-	-	1.370.972.728	
31/12/2020	11.097.495.686	1.525.049.712	2.105.202.164				354.841.000	15.082.588.562	
<b>HAO MÓN LŨY KẾ</b>									
01/01/2020	9.499.513.567	786.073.303	734.229.436				106.452.283	11.126.268.589	
- Khấu hao trong năm	188.780.634	105.568.056	193.352.659				35.484.096	523.185.445	
31/12/2020	9.688.294.201	891.641.359	927.582.095				141.936.379	11.649.454.034	
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>									
01/01/2020	220.445.250	738.976.409	-				248.388.717	1.207.810.376	
31/12/2020	1.409.201.485	633.408.353	1.177.620.069				212.904.621	3.433.134.528	

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.619.494.990 đồng.  
Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 557.257.342 đồng.

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>12.399.265.180</b>	<b>12.399.265.180</b>	<b>24.736.569.655</b>	<b>24.736.569.655</b>
- Công ty CP DTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên	3.170.730.794	3.170.730.794	20.533.376.305	20.533.376.305
- Công ty TNHH Thương mại và vật tư Huy Minh	4.582.617.986	4.582.617.986	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Amecc	767.589.681	767.589.681	767.589.681	767.589.681
- Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	1.986.385.569	1.986.385.569	1.986.385.569	1.986.385.569
- Công ty TNHH CHB Việt Nam	654.082.400	654.082.400	654.082.400	654.082.400
- Công ty Tây Sơn	403.555.150	403.555.150	114.480.000	114.480.000
- Các đối tượng khác	834.303.600	834.303.600	680.655.700	680.655.700
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>3.170.730.794</b>	<b>3.170.730.794</b>	<b>20.731.376.305</b>	<b>20.731.376.305</b>
(Chi tiết xem tại Thuyết minh số 25)				



**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	01/01/2020		Số phải nộp trong năm VND		Số đã thực nộp trong năm VND		31/12/2020	
	VND		VND		VND		VND	
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>								
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-		5.150.447.473		5.150.447.473			
- Thuế thu nhập cá nhân	19.230.819		21.821.152		21.821.152			19.230.819
- Thuế tài nguyên	33.130.338		-		-			33.130.338
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-		198.078.086		101.062.826			97.015.260
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	90.150.467		66.287.511		66.287.511			90.150.467
	<b>142.511.624</b>		<b>5.436.634.222</b>		<b>5.339.618.962</b>			<b>239.526.884</b>
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>								
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	149.952.283		-		-			149.952.283
	<b>149.952.283</b>		<b>-</b>		<b>-</b>			<b>149.952.283</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>438.040.886</b>	<b>3.087.545.886</b>
- Kinh phí công đoàn	58.569.707	58.569.707
- Bảo hiểm xã hội	355.504.014	505.504.014
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.967.165	2.523.472.165
+ Bà Nguyễn Thị Hà	-	1.799.505.000
+ Ông Nguyễn Tự Hòa	-	700.000.000
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.967.165	23.967.165
	<b>438.040.886</b>	<b>3.087.545.886</b>
<b>Phải trả khác bên liên quan</b>	-	<b>2.499.505.000</b>

**Phải trả khác bên liên quan**

(Chi tiết xem tại Thuyết minh số 25)



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ SHB**  
 Tổ 9, p. Tân Hòa, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Nội dung	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>				
- Công ty TFSVN (1)	71.428.572	71.428.572	71.428.572	-
	71.428.572	71.428.572	71.428.572	-
<b>Vay dài hạn</b>				
- Công ty TFSVN (1)	380.952.380	380.952.380	500.000.000	9.119.047.620
Vay cá nhân Bà Nguyễn Thị Hà	380.952.380	380.952.380	500.000.000	119.047.620
	-	-	-	9.000.000.000
	-	-	-	9.000.000.000
	<b>452.380.952</b>	<b>452.380.952</b>	<b>571.428.572</b>	<b>9.119.047.620</b>
				<b>9.000.000.000</b>
				<b>9.000.000.000</b>

(1) Là khoản vay theo hợp đồng cho vay giữa Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam (TFSVN) và Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư SHB, mục đích vay để mua ô tô Toyota Hilux 28C-06280, lãi suất ban đầu 6,99%/365 ngày, lãi suất này được áp dụng trong 6 tháng kể từ ngày giải ngân, TFSVN được điều chỉnh lãi suất vay 3 tháng/lần căn cứ theo lãi suất của TFSVN áp dụng tại thời điểm điều chỉnh theo chính sách lãi suất của TFSVN. Thời hạn cho vay là 84 tháng, vay theo hình thức thế chấp bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ SHB**  
 Tổ 9, p. Tân Hòa, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**16.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND		VND	VND		
<b>01/01/2019</b>	19.800.000.000	(1.366.318.570)		18.365.296.322	(33.367.260.435)	3.431.717.317	
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	(8.885.206.272)	(8.885.206.272)	
<b>31/12/2019</b>	19.800.000.000	(1.366.318.570)		18.365.296.322	(42.252.466.707)	(5.453.488.955)	
<b>01/01/2020</b>	19.800.000.000	(1.366.318.570)		18.365.296.322	(42.252.466.707)	(5.453.488.955)	
- Tăng vốn trong năm	29.049.000.000	-	-	-	-	29.049.000.000	
- Chuyển quỹ đầu tư (*)	-	-	-	(18.365.296.322)	18.365.296.322	-	
- Lãi trong năm	-	-	-	-	3.672.219.521	3.672.219.521	
<b>31/12/2020</b>	48.849.000.000	(1.366.318.570)		-	(20.214.950.864)	27.267.730.566	

(\*) Hoàn tiền từ quỹ Đầu tư phát triển về lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết số 03-2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/05/2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**16.2 GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CHỦ SỞ HỮU**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
+ Vốn góp đầu năm	19.800.000.000	19.800.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	29.049.000.000	-
+ Vốn góp cuối năm	48.849.000.000	19.800.000.000

**16.3 CỔ PHIẾU**

	31/12/2020 CP	01/01/2020 CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.884.900	1.980.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.884.900	1.980.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.884.900	1.980.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	(136.632)	(136.632)
+ Cổ phiếu phổ thông	(136.632)	(136.632)
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.748.268	1.843.368
+ Cổ phiếu phổ thông	4.748.268	1.843.368
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu	51.504.473.233	12.731.761.298
- Doanh thu bán hàng hóa	51.504.473.233	12.731.761.298
Doanh thu với các bên liên quan	18.384.876.364	4.700.413.599

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn bán hàng hóa	44.111.342.955	12.554.413.653
	<u>44.111.342.955</u>	<u>12.554.413.653</u>

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	776.598	1.150.552
	<u>776.598</u>	<u>1.150.552</u>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí lãi vay	29.424.561	727.580.479
	<u>29.424.561</u>	<u>727.580.479</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<b>1.607.766.578</b>	<b>3.144.588.650</b>
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(176.374.696)
Chi phí khấu hao	330.094.748	182.867.232
Thuế phí, lệ phí	224.910.095	185.670.311
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.866.382	199.621.800
Chi phí quản lý khác	976.895.353	2.752.804.003
<i>b. Các khoản chi phí bán hàng</i>	<b>2.022.949.465</b>	<b>719.505.702</b>
Chi phí khấu hao TSCĐ	194.058.495	-
Chi phí vật liệu bao bì	-	466.131.566
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.000.000	40.000.000
Chi phí bán hàng khác	1.739.890.970	213.374.136

**22. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Các khoản bị phạt	35.361.369	6.887.010
Điều chỉnh theo Quyết toán thuế 2019	26.185.382	-
Giá trị dây chuyền gạch không nung	-	16.097.093.257
Chi phí thanh lý TSCĐ	-	211.358.462
	<b>61.546.751</b>	<b>16.315.338.729</b>

**23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	3.672.219.521	(8.885.206.272)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	3.432.450	1.843.368
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	1.070	(4.820)

**24. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Ban Giám đốc Công ty xác định rằng, toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận.

**25. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc	-	-
Ban kiểm soát	-	-
	-	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**25. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	Mối quan hệ	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
<b>Bán hàng cho các bên liên quan</b>			
Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên	Công ty mẹ	18.384.876.364	4.700.413.599
Chi nhánh Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên	Cùng Công ty mẹ	-	312.279.634
<b>Mua hàng từ các bên liên quan</b>			
Chi nhánh Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên	Cùng Công ty mẹ	20.562.008.254	25.035.375.311
Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên	Công ty mẹ	20.294.735.527	24.837.375.311
		267.272.727	198.000.000
		<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên	Công ty mẹ	19.848.569.743	1.774.908.668
<b>Phải thu khác</b>			
Ông Nguyễn Văn Hưng	Chủ tịch HĐQT	5.036.090.000	2.736.700.000
Bà Nguyễn Thị Hà	Nguyên Tổng Giám đốc	2.736.090.000	2.736.700.000
		2.300.000.000	-
<b>Phải trả người bán</b>			
Chi nhánh Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên	Cùng Công ty mẹ	3.170.730.794	20.731.376.305
Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên	Công ty mẹ	3.170.730.794	20.533.376.305
		-	198.000.000
<b>Phải trả, phải nộp khác</b>			
Bà Nguyễn Thị Hà		-	2.499.505.000
Ông Nguyễn Tự Hào		-	1.799.505.000
		-	700.000.000

**26. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư SHB đã được kiểm toán.

Hòa Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Người lập



Nguyễn Thị Bích Nguyệt

Kế toán trưởng



Phạm Thanh Dung

Tổng Giám đốc



Phan Minh Tuấn